



HỒ SƠ CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

Cơ sở công bố

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG

Trụ sở: Lô CN-6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, TP Hà Nội.

Cơ sở sơ sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG

Cơ sở sản xuất: Lô CN-6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, TP Hà Nội.

Tên vị thuốc cổ truyền

Vị thuốc cổ truyền Bách bộ chích mật

(Radix Stemonae tuberosae praeparata)

Loại hình: Công bố tiêu chuẩn cơ sở vị thuốc cổ truyền

Năm: 2025

Mẫu số 02: Bản tự công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền, dược liệu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

Số: 07.CBVT/TL/2025

I. Thông tin về cơ sở công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền

Tên cơ sở công bố: Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long

Địa chỉ: Lô CN-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, TP Hà Nội

Điện thoại: 093 196 6388

E-mail: dongyduoctl@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0105061070

Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược 14/ĐKKDD-BYT ngày cấp 04/03/2024 nơi cấp Bộ y tế.

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên vị thuốc cổ truyền (tên khoa học): Bách bộ chích mật (*Radix Stemonaе tuberosae praeparata*).
- Nguồn gốc: Việt Nam
- Quy cách đóng gói: Túi 0,5 kg, 1kg, túi 2 kg, túi 5 kg.

III. Mức chất lượng công bố

- Chỉ tiêu chất lượng và mức chất lượng của từng chỉ tiêu chất lượng theo TCCS

STT	Chỉ tiêu chất lượng	Yêu cầu
1	Mô tả	Vị thuốc là các phiến hình elip hoặc trụ tròn, đường kính 1-2 cm, dày 2-5 mm, màu nâu nhạt, mùi thơm, vị đắng, ngọt
2	Định tính	Phản có phản ứng định tính của Bách bộ
3	Độ ẩm	Không quá 13,0 %.

4	Tro toàn phần	Không quá 6,5 %.
5	Tro không tan trong acid	Không quá 2,5 %.
6	Tạp chất	Không quá 0,8 %.
7	Chất chiết được trong vị thuốc	Không ít hơn 50,0 % tính theo vị thuốc khô kiệt.
8	Định lượng	Vị thuốc phải chứa ít nhất 0,50 % alcaloid toàn phần tính theo tuberostemonin LG ($C_{22}H_{33}NO_4$), tính theo chế phẩm khô kiệt.

2. Bảng so sánh chỉ tiêu chất lượng và mức chất lượng:

Stt	Chỉ tiêu	Mức chất lượng công bố trong TCCS	Mức chất lượng của dược liệu trong Dược điển Việt Nam V	Ghi chú
1	Mô tả	Vị thuốc là các phiến hình elip hoặc trụ tròn, đường kính 1-2 cm, dày 2-5 mm, màu nâu nhạt, mùi thơm, vị đắng, ngọt	Rễ (còn gọi là củ) hình trụ cong queo, dài 10 cm đến 20 cm, đường kính 1 cm đến 2 cm. Thường để nguyên cả rễ củ hoặc cắt đôi theo chiều ngang. Đầu trên đôi khi còn vết tích của cổ rễ, đầu dưới thuôn nhỏ. Bên ngoài màu vàng nâu nhạt, có nhiều nếp nhăn dọc. Mặt cắt ngang thấy lớp ngoài cùng của vỏ màu nâu xám, tiếp theo là lớp thịt củ (mô mềm vỏ) khá dày, màu vàng nhạt đến vàng nâu; lõi gỗ ở giữa màu trắng ngà.	Thay đổi
2	Vi phẫu	Không có	Ngoài cùng là lớp bần có chỗ bị rách. Ở rễ củ non vẫn còn biểu bì gồm những tế bào xếp đều đặn, phía ngoài phủ lớp cutin. Lớp mô mềm vỏ (thịt củ) rất dày, chiếm phần lớn vi phẫu	Thay đổi (Dược liệu đã biến đổi thành phiến không phù hợp thực hiện được chỉ tiêu này).

			gồm các tế bào gần tròn tương đối đều nhau, có thành mỏng. Các tế bào mô mềm vỏ xếp lộn xộn tạo ra những khoảng gian bào nhỏ. Nội bì cấu tạo bởi một lớp tế bào có thành dày hình chữ nhật, xếp đều đặn. Libe-gỗ cấu tạo cấp 1, phân hóa hướng tâm. Bó libe xếp xen kẽ bó gỗ và nằm sát nhau nên giữa chúng không tạo thành những tia ruột. Mô mềm tủy cấu tạo bởi những tế bào to nhỏ không đều, thành mỏng, xếp lộn xộn.	
3	Bột	Không có	Quan sát trên kính hiển vi thấy: Mảnh bản màu vàng gồm tế bào hình nhiều cạnh, thành dày. Mảnh mô mềm tế bào hình tròn, hình chữ nhật, thành mỏng, rải rác có tế bào chứa hạt tinh bột hình trái xoan. Hạt tinh bột có rốn và vân khá rõ, rốn lệch tâm, vân đồng tâm. Sợi dài có thành dày, khoang rộng. Mảnh mạch	Thay đổi (Dược liệu đã biến đổi thành phẩm và tẩm mật, không phù hợp thực hiện được chỉ tiêu này).

		- <i>Dung dịch chất đối chiếu:</i> Hòa tan tuberostemonin trifluoroacetat trong <i>methanol (TT)</i> để được dung dịch có nồng độ 0,5 mg/ml. - <i>Dung dịch dược liệu đối chiếu:</i> Nếu không có tuberostemonin trifluoroacetat thì dùng 1 g bột Bách bộ (mẫu chuẩn) tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử. - <i>Cách tiến hành:</i> Châm riêng biệt lên bản mỏng 30 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai, lấy bản mỏng ra, để bay hết hơi dung môi ở nhiệt độ phòng. Phun thuốc thử <i>Dragendorff (TT)</i>. Quan sát dưới ánh sáng thường.	xuất hiện tua đỏ gạch. Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 1 giọt <i>dung dịch bão hòa acid picric (TT)</i>, xuất hiện tua vàng. B. Cân 1 g bột dược liệu, thêm 5 ml <i>nước</i>, đun sôi, lọc. Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 1 ml <i>thuốc thử Fehling (TT)</i>, đun sôi sẽ xuất hiện tua đỏ gạch. C. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4). <i>Bản mỏng: Silica gel G.</i> <i>Dung môi khai triển: Dicloromethan - ethyl acetat - methanol - amoniac (50 : 45 : 4 : 1).</i> <i>Dung dịch thử:</i> Cân 2 g bột dược liệu, thấm ẩm bằng <i>amoniac (TT)</i>, để yên 30 min, thêm 15 ml <i>cloroform (TT)</i>, lắc siêu âm 30 min, lọc. Bóc hơi dịch lọc trên	
--	--	---	--	--

	- <i>Kết quả:</i> Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có ít nhất 3 vết tương đương về vị trí và cùng màu sắc (màu từ đỏ tối đến đỏ hồng) với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu, trong đó vết cao nhất có màu đỏ tối, hai vết thấp hơn có màu đỏ hồng hoặc phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu sắc (màu đỏ tối) với vết tuberostemonin trifluoroacetat trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.	cách thủy đến cạn, hòa cạn trong 1 ml <i>methanol</i> (TT). <i>Dung dịch chất đối chiếu:</i> Hòa tan tuberostemonin trifluoroacetat trong <i>methanol</i> (TT) để được dung dịch có nồng độ 0,5 mg/ml. <i>Dung dịch được liệu đối chiếu:</i> Nếu không có tuberostemonin trifluoroacetat thì dùng 1 g bột Bách bộ (mẫu chuẩn) tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử. <i>Cách tiến hành:</i> Châm riêng biệt lên bản mỏng 30 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai, lấy bản mỏng ra, để bay hết hơi dung môi ở nhiệt độ phòng. Phun thuốc thử <i>Dragendorff</i> (TT). Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có ít nhất 3 vết tương đương về vị
--	--	--

			trí và cùng màu sắc (màu từ đỏ tối đến đỏ hồng) với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu, trong đó vết cao nhất có màu đỏ tối, hai vết thấp hơn có màu đỏ hồng hoặc phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu sắc (màu đỏ tối) với vết tuberostemonin trifluoroacetat trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.	
6	Tro toàn phần	Không quá 6,5 %.	Không quá 6,5 %.	
7	Tro không tan trong acid	Không quá 2,5 %.	Không quá 2,5 %.	
8	Tạp chất	Không quá 0,8 %.	Không quá 1,0 %.	Thay đổi
9	Chất chiết được trong vị thuốc	Không ít hơn 50,0 % tính theo vị thuốc khô kiệt.	Không ít hơn 50,0 % tính theo vị thuốc khô kiệt.	

10	Định lượng	Vị thuốc phải chứa ít nhất 0,50 % alcaloid toàn phần tính theo tuberostemonin LG ($C_{22}H_{33}NO_4$), tính theo chế phẩm khô kiệt.	Dược liệu phải chứa ít nhất 0,50 % alcaloid toàn phần tính theo tuberostemonin LG ($C_{22}H_{33}NO_4$), tính theo dược liệu khô kiệt.	
----	------------	---	---	--

IV. Tài liệu đính kèm

1. TCCS vị thuốc cổ truyền của cơ sở công bố.
2. Bản sao Phiếu kiểm nghiệm chất lượng vị thuốc cổ truyền đạt chất lượng theo TCCS do cơ sở kiểm nghiệm nhà nước đạt GLP.
3. Bản sao tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của dược liệu theo qui định tại Điều 13 Thông tư 32/2025/TT/BYT (Bản cam kết về địa điểm nuôi trồng thu hái dược liệu).

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính pháp lý của hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền./.

Hà nội, ngày 25 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Nhung





SỞ Y TẾ HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
VỊ THUỐC BÁCH BỘ CHÍCH MẬT

Số tiêu chuẩn: TCCS-15118/TL



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	VỊ THUỐC BÁCH BỘ CHÍCH MẬT (<i>Radix Stemonae tuberosae</i> <i>praeparata</i>)	Mã số: TCCS-15118/TL
		Lần ban hành: 03
		Có hiệu lực từ ngày ký

Quyết định ban hành số: .../QĐ-TL ngày ... tháng ... năm ...

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1.1 Công thức cho 1000 g thành phẩm:

STT	Nguyên liệu	Tên Latin	Khối lượng
1	BÁCH BỘ	<i>Radix Stemonae tuberosae</i>	1000 g
2	Mật ong	<i>Mel</i>	100 g

1.2 Tiêu chuẩn nguyên phụ liệu:

STT	Nguyên liệu	Tên Latin	Tiêu chuẩn
1	BÁCH BỘ (phiến)	<i>Radix Stemonae tuberosae</i>	ĐDVN V
2	Mật ong	<i>Mel</i>	ĐDVN V

1.3 Chất lượng thành phẩm:

1.3.1. *Mô tả*: Vị thuốc là các phiến hình elip hoặc trụ tròn, đường kính 1-2 cm, dày 2-5 mm, màu nâu nhạt, mùi thơm, vị đắng, ngọt.

1.3.2. *Độ ẩm*: Không quá 13,0 %.

1.3.3. *Định tính*: Phải có phản ứng định tính của Bách Bộ.

1.3.4. *Tro toàn phần*: Không quá 6,5 %.

1.3.5. *Tro không tan trong acid*: Không quá 2,5 %.

1.3.6. *Tạp chất*: không quá 0,8 %.

1.3.7. *Chất chiết được trong vị thuốc*: Không ít hơn 50,0 % tính theo vị thuốc khô kiệt

1.3.8. *Định lượng*: Vị thuốc phải chứa ít nhất 0,50 % alcaloid toàn phần tính theo tuberostemonin LG ($C_{22}H_{33}NO_4$), tính theo chế phẩm khô kiệt.

2. PHƯƠNG PHÁP THỬ

2.1 *Mô tả*: Kiểm tra bằng cảm quan, chế phẩm phải đạt yêu cầu đã nêu.

2.2 *Độ ẩm*: Thử theo ĐDVN V - Phụ lục 9.6, 1g, 100 – 105° C, 5h.

2.3 *Định tính*:

Phương pháp sắc ký lớp mỏng

a. Hóa chất, thuốc thử :

- Bản mỏng *Silica gel GF₂₅₄*.
- *Dicloromethan - ethyl acetat - methanol - amoniac*.

b. Tiến hành :

- *Bản mỏng*: *Silica gel GF₂₅₄* đã hoạt hóa.
- *Dung môi khai triển*: *Dicloromethan - ethyl acetat - methanol - amoniac* (50 : 45 : 4 : 1).
- *Dung dịch thử*: Cân 2 g bột chế phẩm, thấm ẩm bằng *amoniac* (TT), để yên 30 min, thêm 15 ml *cloroform* (TT), lắc siêu âm 30 min, lọc. Bốc hơi dịch lọc trên cách thủy đến cạn, hòa cồn trong 1 ml *methanol* (TT).
- *Dung dịch chất đối chiếu*: Hòa tan tuberostemonin trifluoroacetat trong *methanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ 0,5 mg/ml.
- *Dung dịch được liệu đối chiếu*: Nếu không có tuberostemonin trifluoroacetat thì dùng 1 g bột Bách bộ (mẫu chuẩn) tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.
- *Cách tiến hành*: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 30 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai, lấy bản mỏng ra, để bay hết hơi dung môi ở nhiệt độ phòng. Phun thuốc thử Dragendorff (TT). Quan sát dưới ánh sáng thường.
- *Kết quả*: Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có ít nhất 3 vết tương đương về vị trí và cùng màu sắc (màu từ đỏ tối đến đỏ hồng) với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu, trong đó vết cao nhất có màu đỏ tối, hai vết thấp hơn có màu đỏ hồng hoặc phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu sắc (màu đỏ tối) với vết tuberostemonin trifluoroacetat trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

2.4 **Tro toàn phần**: Thử theo ĐĐVN V, phụ lục 9.8.

2.5 **Tro không tan trong acid**: Thử theo ĐĐVN V, phụ lục 9.7.

2.6 **Tạp chất** : Thử theo ĐĐVN V- Phụ lục 12.11.

2.7 **Chất chiết được trong vị thuốc**: Thử theo ĐĐVN V- Phụ lục 12.10

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng. Không ít hơn 50,0 % tính theo chế phẩm khô kiệt, dùng nước làm dung môi.

2.8 **Định lượng**:

Cân chính xác khoảng 2 g bột chế phẩm (qua rây số 355) cho vào bình Soxhlet rồi chiết bằng *methanol* (TT) hoặc *ethanol* 96 % (TT) cho đến khi hết alcaloid [chiết khoảng 2 h, xác định theo Phụ lục 12.3, dùng 1 giọt thuốc thử Mayer (TT)]. Cát thu hồi dung môi hoặc cô cạn đến cạn trên bếp cách thủy. Hòa tan cồn bằng 10 ml *dung dịch acid hydrocloric* 1 % (TT). Lọc lấy dịch acid. Tráng cặn và giấy lọc với khoảng



5 ml *dung dịch acid hydrocloric 1 % (TT)* và gộp chung với dịch lọc trên. Kiểm hóa dịch lọc bằng *amoniac (TT)* tới pH 10, chiết với *ether (TT)* 5 lần, 2 lần đầu mỗi lần 15 ml và 3 lần sau mỗi lần 10 ml. Sau đó chiết tiếp bằng *cloroform (TT)* 4 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp dịch chiết ether và cloroform. Làm bay hơi trên cách thủy tới khô. Hòa tan cặn với 10,0 ml *dung dịch acid hydrocloric 0,1 N (CĐ)*, thêm 5 ml *nước* và 2 giọt *dung dịch đỏ methyl (TT)*, chuẩn độ acid thừa bằng *dung dịch natri hydroxyd 0,1 N (CĐ)*. Hàm lượng alcaloid toàn phần (X) được tính theo công thức:

$$X \% = \frac{(10 - n) \times 3,75}{a}$$

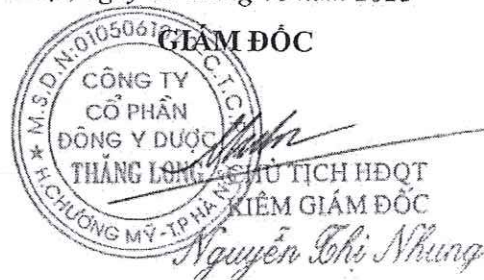
Trong đó:

- n : là thể tích *dung dịch natri hydroxyd 0,1 N (CĐ)* đã dùng .
- a : là khối lượng bột chế phẩm đem định lượng đã trừ độ ẩm, tính bằng gam.

3. BẢO QUẢN, GHI NHÃN, ĐÓNG GÓI

- Vị thuốc được đựng trong bao kín (túi PE và túi PA), đóng túi 0,5 kg, túi 1 kg, túi 2 kg, túi 5 kg.
- Nhãn rõ ràng, đúng quy định.
- Nhiệt độ không quá 30 °C, Độ ẩm không quá 70 %, tránh mốc, mọt.
- Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2025





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

SỐ KN: 25G-53

Mẫu để kiểm nghiệm: Bách bộ chính mật

Nơi sản xuất: Công ty cổ phần Đông y Dược Thăng Long

Số lô; NSX; hạn dùng: TL-N1511810825; 05/08/2025; 05/08/2027 **Số DKSX:**

Người và nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Đông y Dược Thăng Long

Ngày nhận mẫu: 29/08/2025

Người nhận mẫu: Nguyễn Tiến Mạnh

Yêu cầu kiểm nghiệm: Kiểm tra chất lượng

Thư theo: TCCS số TCCS-15118/TL (Ban hành ngày 01/08/2025)

Tình trạng mẫu khi nhận và khi mở niêm phong để kiểm nghiệm:

Mẫu đóng gói trong túi nilon, hàn kín 500 g. Nhân đánh máy.

<u>YÊU CẦU</u>	<u>KẾT QUẢ</u>
1. Mô tả: Phải thể hiện đúng quy định	Đúng
2. Định tính: Bách bộ (Phương pháp SKLM)	Đúng
3. Độ ẩm: $\leq 13,0\%$	Đạt (10,7 %)
4. Tro toàn phần: $\leq 6,5\%$	Đạt (5,5 %)
5. Tro không tan trong acid: $\leq 2,5\%$	Đạt (1,9 %)
6. Tạp chất: $\leq 0,8\%$	Đạt (0 %)
7. Chất chiết được trong vị thuốc: $\geq 50,0\%$ tính theo vị thuốc khô kiệt	Đạt (51,9 %)
8. Định lượng: Vị thuốc phải chứa ít nhất 0,50 % alkaloid toàn phần tính theo tuberostemonin LG ($C_{22}H_{33}NO_4$), tính theo chế phẩm khô kiệt	Đạt (1,05 %)

Kết luận: Mẫu gửi kiểm tra đạt yêu cầu chất lượng theo TCCS số TCCS-15118/TL
(Ban hành ngày 01/08/2025).

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2025



ĐẠI TÁ, TS. NGUYỄN DUY CHÍ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2024

BẢN CAM KẾT

VỀ ĐỊA ĐIỂM NUÔI TRỒNG, THU HÁI, KHAI THÁC DƯỢC LIỆU

Kính gửi:

- Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền)

- Sở Y tế

Mẫu số 07
Kèm theo TT38/2021/TT-BYT

Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long xin cam kết đã thu mua dược liệu tại các cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu, cụ thể như sau:

STT	Cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu	Địa điểm kinh doanh/ Hộ khẩu thường trú	Tên dược liệu (tên khoa học)	Diện tích trồng (m ²)	Địa điểm trồng	Sản lượng dự kiến (kg)	Thời điểm thu mua
1	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ba kích (<i>Radix Morindae officinalis</i>)	500	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Quanh năm
2	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Bạc hà (<i>Herba Menthae</i>)	500	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	500	Tháng 6 đến tháng 9
3	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Bạch biễn đậu (Đậu ván trắng) (<i>Semen Lablab</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	500	Mùa thu, mùa đông
4	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Bách bộ (<i>Radix Stemonae tuberosae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	3,000	Mùa thu
5	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Bạch chi (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>)	1,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	10,000	Mùa hạ, mùa thu
6	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Bồ công anh (<i>Herba Lactucae indicae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Tháng 5 đến tháng 7

STT	Cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu	Địa điểm kinh doanh/ Hộ khẩu thường trú	Tên dược liệu (tên khoa học)	Diện tích trồng (m ²)	Địa điểm trồng	Sản lượng dự kiến (kg)	Thời điểm thu mua
7	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Cà gai leo (<i>Herba Solani procumbensis</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Tháng 10, 11
8	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Cần khương (<i>Rhizoma Zingiberis</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Tháng 6 đến tháng 8
9	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Cát căn (<i>Radix Puerariae thomsonii</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	15,000	Mùa thu, mùa đông
12	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Chỉ thực (<i>Fructus Aurantii immaturus</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Tháng 5 đến tháng 6
13	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Chỉ xác (<i>Fructus Aurantii</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	3,000	Tháng 7 đến tháng 8
14	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Dây đau xương (<i>Caulis Tinosporae sinensis</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Quanh năm
15	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Diệp cá (Ngư tinh thảo) (<i>Herba Houttuyniae cordatae</i>)	2,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	3,000	Quanh năm
16	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Diệp hạ châu (<i>Herba Phyllanthi urinariae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Quanh năm
17	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Đinh lăng (<i>Radix Polyseiacis</i>)	2,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	500	Mùa thu, mùa đông
18	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Giảo cổ lam (<i>Herba Gynostemmatidis pentaphylli</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa hạ
19	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Hà diệp (Lá sen) (<i>Folium Nelumbinis nuciferae</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa hè, mùa thu

STT	Cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu	Địa điểm kinh doanh/ Hộ khẩu thường trú	Tên dược liệu (tên khoa học)	Diện tích trồng (m ²)	Địa điểm trồng	Sản lượng dự kiến (kg)	Thời điểm thu mua
20	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Hà thủ ô đồ (<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa thu
21	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa thu đông và đầu xuân
22	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Núc nác (<i>Cortex Oroxylis</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Quanh năm
23	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Hòe hoa (<i>Flos Styphnolobii japonici immaturus</i>)	500	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	500	Mùa hạ
24	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Huyết giác (<i>Lignum Dracaenae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Quanh năm
25	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Hương phụ (<i>Rhizoma Cypripidis</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Quanh năm
26	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Hy thiêm (<i>Herba Siegesbeckiae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,500	Tháng 4,5
27	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ích mẫu (<i>Herba Leonuri japonici</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,500	Mùa hè
28	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ké đầu ngựa (Quả) (<i>Fructus Xanthii strumaris</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa thu
29	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Kê huyết đằng (<i>Caulis Spatholobi suberecti</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa thu, mùa đông
30	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>)	4,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Quanh năm

010506107
CÔNG
CỔ PHẦN
ÔNG Y D
HÀNG L
ÔNG MỸ

010506107
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ÔNG Y D
HÀNG L
ÔNG MỸ-T.P

STT	Cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu	Địa điểm kinh doanh/ Hộ khẩu thường trú	Tên dược liệu (tên khoa học)	Diện tích trồng (m ²)	Địa điểm trồng	Sản lượng dự kiến (kg)	Thời điểm thu mua
31	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Kim tiền thảo (<i>Herba Desmodii styracifolii</i>)	2,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	3,000	Mùa hạ, mùa thu
32	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Kính giới (<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>)	1,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Tháng 10-12
33	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Khương hoàng (<i>Rhizoma Curcumae longae</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Tháng 10-12
34	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Uất kim (<i>Rhizoma Curcumae longae</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Tháng 10-12
35	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Khôi (Lá) (<i>Folium Ardisiae</i>)	8,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa hạ
36	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Lạc tiên (<i>Herba Passiflorae foetidae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,500	Mùa xuân, mùa hạ
37	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Liên nhục (<i>Semen Nelumbinis nuciferae</i>)	10,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	10,000	Mùa thu
38	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Liên tâm (<i>Embryo Nelumbinis nuciferae</i>)	10,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa thu
39	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Long nhãn (<i>Arillus Longan</i>)	15,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	10,000	Tháng 8-9
40	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>)	13,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,500	Mùa hạ
41	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Mận kinh tử (<i>Fructus Viticis trifoliae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	10,000	Quanh năm

STT	Cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu	Địa điểm kinh doanh/ Hộ khẩu thường trú	Tên dược liệu (tên khoa học)	Diện tích trồng (m ²)	Địa điểm trồng	Sản lượng dự kiến (kg)	Thời điểm thu mua
42	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ngải cứu (Ngải diệp) (<i>Herba Artemisiae vulgaris</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Tháng 5 đến tháng 6
43	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ngũ gia bì chân chim (<i>Cortex Schefflerae heptaphyllae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Quanh năm
44	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ngưu tất (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	10,000	Mùa đông
45	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Nhân trần (<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>)	7,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa hè
46	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ô dược (<i>Radix Linderae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Quanh năm
47	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Quế chi (<i>Ramulus Cinnamomi</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa xuân, mùa hạ
48	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Quế (Vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	3,000	Tháng 4 đến tháng 5, tháng 9 đến tháng 10
49	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Sa nhân (<i>Fructus Amomi</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa hạ, mùa thu
50	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Sinh khương (<i>Rhizoma Zingiberis recens</i>)	4,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa hạ, mùa thu
51	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Sơn tra (<i>Fructus Mali</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Tháng 8 đến tháng 10
52	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Tang ký sinh (<i>Herba Loranthe paracitici</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Quanh năm



STT	Cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu	Địa điểm kinh doanh/ Hộ khẩu thường trú	Tên dược liệu (tên khoa học)	Diện tích trồng (m ²)	Địa điểm trồng	Sản lượng dự kiến (kg)	Thời điểm thu mua
53	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Tỳ giải (<i>Rhizoma Dioscoreae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	3,000	Mùa thu, mùa đông
54	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Thảo quyết minh (<i>Semen Sennae torae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Tháng 9 đến tháng 11
55	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Thiên niên kiện (<i>Rhizoma Homalomenae occultae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa xuân, mùa thu
56	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Thổ phục linh (<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa hạ, mùa thu
57	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>)	2,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa đông
58	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Từ mùa đông đến mùa xuân
59	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Trinh nữ hoàng cung (<i>Folium Crini latifolii</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Quanh năm
60	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ý dĩ (<i>Semen Coicis</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa thu

Trường hợp phát hiện có sự giả mạo, không đúng sự thật về các nội dung đã cam kết, cơ sở xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc của dược liệu và sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật về kinh doanh dược liệu không có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

CHỦ CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÔNG Y ĐÔNG PHƯƠNG
THĂNG LONG
CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Nhung